TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/6/2018.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tuân và bà Vàng Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Lượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2018/TLST-HN&GĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: **Chị Đỗ Thị Thanh B**; sinh năm: 1988. Trú tại: Bản C, xã , huyện T, tỉnh Đ, (có mặt).

*** Bị đơn**: **Anh Nguyễn Văn B**; sinh năm: 1981. Trú tại: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Đ, (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị Thanh B trình bày:

Chị B và anh Thanh B kết hôn từ năm 2007 và đăng ký tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đ. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị B xin được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Chị Thanh B và anh B có một người con chung là cháu Nguyễn Trung K sinh ngày 17/11/2008, hiện đang ở với chị Thanh B. Khi ly hôn chị Thanh B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, chưa yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con vì anh B chưa có công việc ổn định. Hơn nữa anh B không có nơi ở ổn định, thường xuyên thay đổi địa chỉ.

Về tài sản chung: Hai anh chị không có tài sản chung, không có nợ phải trả.

Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án nhưng bị đơn Nguyễn Văn B không mặt tại nơi địa phương. Tiến hành xác minh được trưởng bản C, xã Q và chính quyền địa phương cho biết: Nguyễn Văn B có hộ khẩu thường trú và trú tại bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Đ từ năm 2014 đến nay. Hiện nay, anh B không có mặt ở địa phương, không đăng ký tạm vắng nên chính quyền địa phương không biết hiện nay anh ở đâu, đăng ký tạm trú ở đâu. Ở địa phương, anh B không có ai thân thích ngoài vợ và con.

Tòa án đã yêu cầu chị Thanh B cung cấp địa chỉ khác của anh B, chị Thanh Bình trình bày: Hiện nay anh B không có mặt ở phương. Anh B thường xuyên thay đổi chỗ ở, không ở ổn định. Thỉnh thoảng anh B có về thăm con rồi đi. Chị đã trao đổi với anh về việc ly hôn và yêu cầu anh cung cấp số điện thoại và địa chỉ liên hệ khi cần nhưng anh Bảy không cung cấp và cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho chị.

Vì không thể tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bị đơn Nguyễn Văn B, Tòa án căn cứ vào Điều 179 BLTTDS, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số: 238/TB ngày 01/3/2018 vào ngày 02/3/2018 tại trụ sở Tòa án, trụ sở UBND xã và nơi cư trú của bị đơn. Ngày 07/3/2018, niêm yết Thông báo số: 145/TB-TA; ngày 06/3/2018 Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1. Ngày 27/3/2018, niêm yết Thông báo số: 164/TB-TA ngày 26/3/2018 về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 2. Nhưng anh Nguyễn Văn B vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã căn cứ Điều 207 BLTTDS đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa ngày 08/6/2018, do bị đơn vắng mặt nên HĐXX hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Đỗ Thị Thanh B vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung.

Vị đại diện VKS phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký, HĐXX từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án đảm bảo đúng qui định của BLTTDS. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 luật HNGĐ chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị Thanh B, xử cho chị Thanh B được ly hôn anh B. Giao cháu Nguyễn Trung K cho chị Thanh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục vì chị đảm bảo điều kiện nuôi cháu. Chị Thanh B chưa yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con vì anh B chưa có điều kiện cấp dưỡng là phù hợp. Về án phí, chị Thanh B phải nộp 300.000đ án phí theo qui định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thanh B và anh Nguyễn Văn B tự nguyện kết hôn ngày 27 tháng 7 năm 2007, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đ cấp. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau. Anh B hay cờ bạc lại hay đánh vợ nên anh chị thường xảy ra xô xát nên cuộc sống của anh chị không có hạnh phúc. Năm 2013, anh chị đã sống ly thân và

không còn quan tâm đến nhau. Vấn đề này được thể hiện tại lời khai của chị B và trưởng bản C, xã Q.

Xét thấy mâu thuẫn của anh, chị đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Thanh B, xử cho chị Thanh B được ly hôn anh B.

[2] Về con chung: Anh B chị Thanh B có 01 người con chung là cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 17/11/2008. Khi ly hôn, chị Thanh B có yêu cầu được nuôi cháu. Xét yêu cầu này của chị Thanh B thấy rằng: Chị Thanh B có chỗ ở và công việc, thu nhập ổn định nên sẽ đảm bảo cuộc sống của cháu. Ý kiến của cháu K cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Cần áp dụng Điều 81, 82, 83 luật HNGĐ giao cháu K cho chị Thanh B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Vì anh B chưa có việc làm, chưa có khả năng cấp dưỡng nên chị B tạm thời chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Bởi vậy, cần áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu này của chị.

[3] Về tài sản chung, nợ phải trả: Hai anh chị không có tài sản chung, nợ phải trả được thể hiện lời khai xác nhận của chị tại bản tự khai và tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Chị Thanh B phải chịu 300.000đ án phí theo qui định tại Điều 147 BLTTDS,

Xét đề nghị của VKSND huyện Tuần Giáo về quan điểm giải quyết các vấn đề của vụ án như trên là có căn cứ, phù hợp với qui định của Luật HNGĐ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các điều 56, 58, 69, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thanh B được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 17/11/2008 cho chị Đỗ Thị Thanh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Thanh B chưa yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn B được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai anh chị không có tài sản chung, nợ chung.

4. Án phí: Chị Đỗ Thị Thanh B phải nộp 300.000đ án phí dân sự sư thẩm, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2010/05498 ngày 01/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo. Chị Thanh B đã nộp đủ án phí.

Chị Đỗ Thị Thanh B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/6/2018). Anh Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- UBND xã Quài Cang;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Thương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
Phạm Văn Tuân; Vàng Thị Bình	Nguyễn Thị Thương